

# THỰC HÀNH VỀ VIỆC TIÊM CHỦNG VACCINE COVID-19 CỦA VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Trần Trương Ngọc Bích<sup>1</sup>, Đỗ Thị Cẩm Hồng<sup>1</sup>, Nguyễn Xuân Vinh<sup>1</sup>,  
Đỗ Hồng Diễm<sup>1</sup>, Phạm Thị Ngọc Nga<sup>1</sup>,  
Nguyễn Hữu Chương<sup>1</sup>, Phan Thị Tuyết Nhung<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Nhân viên y tế có nguy cơ đặc biệt do phơi nhiễm nghề nghiệp với SARS-CoV-2. Vì vậy, họ thuộc nhóm được ưu tiên tiêm chủng hàng đầu. **Mục tiêu:** Khảo sát thực hành về việc tiêm vaccine của viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 1/2022 đến tháng 3/2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên tổng số 422 viên chức, người lao động đang làm việc tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Kết quả:** Trong 422 đối tượng tham gia khảo sát có đến 96,4% đối tượng sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần đầu, 98,8% sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần thứ 2, 96,9% sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 sau lần 2 và 91,9% sẽ báo cáo tác dụng phụ cho nhân viên y tế khi gặp tác dụng phụ của vaccine. Nghiên cứu chưa tìm thấy mối liên quan mang ý nghĩa thống kê giữa việc báo cáo tác dụng phụ của vaccine COVID-19 với một số đặc điểm của đối tượng. **Kết luận:** Thực hành tiêm vaccine COVID-19 của nhân viên, người lao động tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ rất tốt, chiếm tỷ lệ đều trên 91%.

## SUMMARY

### PRACTICES ON COVID-19 VACCINE VACCINATION OF OFFICERS AND EMPLOYEES OF CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

**Background:** Healthcare workers are at particular threat due to occupational exposure to SARS-CoV-2. Therefore, they're in the top precedence group for vaccination. **Objectives:** Survey on vaccination practices of officers and workers working at Can Tho University of Medicine and Pharmacy from January 2022 to March 2022. **Materials and methods:** Cross-sectional descriptive study on an aggregate of 422 officers and workers working at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Results:** The study recorded that over to 96,4% of subjects were willing to admit the COVID-19 vaccine for the first time, 98,8% were willing to admit the alternate COVID-19 vaccine, and 96,9% were willing to admit the following COVID-19 vaccine. the alternate time and 91,9% will report side goods to medical staff when passing side goods of the vaccine. The study didn't find a statistically significant association

between reporting side goods of the COVID-19 vaccine and some characteristics of the study subjects. **Conclusions:** COVID-19 vaccination practice of staff and workers at Can Tho University of Medicine and Pharmacy is veritably good, counting for a rate of over 91%. **Keywords:** practices, vaccination, COVID-19, CTUMP.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ cuối tháng 12/2019, với sự xuất hiện rồi lây lan nhanh chóng và mức độ nguy hiểm, COVID-19 (Coronavirus Disease 2019) đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của rất nhiều người trên toàn thế giới và đặt ra một vấn đề lớn cần phải nhanh chóng giải quyết cho toàn cầu [5]. Việt Nam cũng đang chiến đấu với làn sóng thứ hai với biến thể mới mạnh hơn của coronavirus với 728 triệu trường hợp được xác nhận và 18.017 trường hợp tử vong (tính đến 24/9/2021). Trong đợt bùng phát dịch từ tháng 4/2021 đến nay số ca tử vong do COVID-19 không ngừng tăng cao, có những thời điểm lên đến 386 ca/ngày (ngày 28/8/2021). Tiêm vaccine an toàn và hiệu quả là cách duy nhất để giảm tỷ lệ tử vong và làm chậm tình trạng đại dịch này. Nhân viên y tế có nguy cơ đặc biệt do phơi nhiễm nghề nghiệp với SARS-CoV-2. Vì vậy, họ thuộc nhóm được ưu tiên tiêm chủng hàng đầu. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây cho thấy nhân viên rất ngại tiêm chủng và có nhiều thái độ tiêu cực với việc tiêm chủng. Nghiên cứu này được khảo sát từ tháng 1/2022 đến tháng 3/2022 trên tất cả viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (ĐHYDCT) đồng ý tham gia với mục tiêu tìm hiểu thực hành của viên chức, người lao động Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc tiêm chủng vaccine COVID-19.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu.** Viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 1/2022 đến tháng 3/2022.

**Tiêu chuẩn chọn:** Viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ không phân biệt độ tuổi, giới tính.

**Tiêu chuẩn loại trừ:** Viên chức và người

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Phan Thị Tuyết Nhung

Email: pttnhung@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 11.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 10.11.2023

Ngày duyệt bài: 27.11.2023

lao động không đồng ý tham gia khảo sát.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang

**Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:** Tính theo công thức:

$$n = \frac{Z^2 \times p \times (1 - p)}{d^2}$$

Trong đó: Z = 1,96 (hệ số tin cậy với mức ý nghĩa α = 0,05)

p = 0,34 là tỷ lệ số người tham gia nghiên cứu có lo lắng về việc tiêm ngừa vacxin COVID-19 theo nghiên cứu của Sabria Al-Marshoudi (2021) [2]. d = sai số cho phép của nghiên cứu, chọn d = 0,05

Vậy n = 345 viên chức và người lao động. Trong thực tế có 422 viên chức và người lao động tham gia khảo sát.

**Nội dung nghiên cứu.** Một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu: Giới tính, tuổi, tình trạng hôn nhân, thâm niên công tác, chức danh nghề nghiệp, chuyên môn, trình độ học vấn, số lần tiêm vaccine, loại vaccine, tình trạng nhiễm COVID-19.

Thực hành tiêm chủng vaccine: Có 4 câu hỏi liên quan đến thực hành tiêm chủng vaccine COVID-19. Phản hồi các tùy chọn có thể là có hoặc không.

**Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:** Số liệu được nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập bằng phiếu thu thập thông tin. Kết quả được xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 20.0.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

Trong 422 đối tượng tham gia khảo sát, tỷ lệ nữ tham gia cao hơn nam. Nhóm tuổi trên 35 tuổi chiếm tỷ lệ cao hơn với 56,4%. Hầu hết đối tượng đã có gia đình (70,4%) và có thâm niên trên 5 năm (73,5%). Chức danh nghề nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất là giảng viên (49,5%), chuyên môn có 38,2% bác sĩ, 9,5% dược sĩ, trình độ chiếm tỷ lệ cao nhất là sau đại học với 50,9%. Có đến 94,5% đối tượng tiêm vaccine 3 lần. Loại vaccine được tiêm nhiều nhất là Pfizer (53,3%), tiếp theo là Astrazeneca (45,6%), những vaccine còn lại chiếm tỷ lệ rất thấp. Có đến 347 (88,6%) đối tượng tham gia chưa từng nhiễm COVID-19. Kết quả về tỷ lệ thực hành và một số yếu tố liên quan về việc tiêm vaccine COVID-19 của viên chức, người lao động Trường ĐHYDCT cụ thể như sau:

**Thực hành tiêm vaccine của viên chức, người lao động**

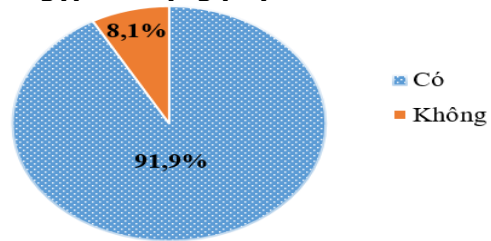
**Bảng 1. Lo lắng về việc tiêm chủng**

**COVID-19**

Thực hành tiêm vaccine	Có n (%)	Không n (%)
Sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần đầu	407 (96,4)	15 (3,6)
Sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần thứ 2	417 (98,8)	5 (1,2)
Sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 sau lần thứ 2	409 (96,9)	13 (3,1)

**Nhận xét:** Có 96,4% đối tượng sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần đầu, 98,8% sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần thứ 2, 96,9% sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 sau lần 2.

**Báo cáo tác dụng phụ cho nhân viên y tế khi gặp tác dụng phụ của vaccine**



**Biểu đồ 1. Báo cáo tác dụng phụ cho nhân viên y tế**

**Nhận xét:** Có 91,9% sẽ báo cáo tác dụng phụ cho nhân viên y tế khi gặp tác dụng phụ của vaccine.

**Một số yếu tố có liên quan đến việc báo cáo tác dụng phụ cho nhân viên y tế**

**Bảng 2. Một số yếu tố có liên quan đến việc báo cáo tác dụng phụ cho nhân viên y tế**

Đặc điểm		Có n (%)	Không n (%)	p
Giới tính	Nam	185 (90,7)	19 (9,3)	0,359
	Nữ	203 (93,1)	15 (6,9)	
Nhóm tuổi	≤ 35 tuổi	170 (92,4)	14 (7,6)	0,766
	> 35 tuổi	218 (91,6)	20 (8,4)	
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	117 (93,6)	8 (6,4)	0,417
	Có gia đình	271 (91,2)	26 (8,8)	
Thâm niên công tác	≤ 5 năm	103 (92,0)	9 (8,0)	0,992
	> 5 năm	285 (91,9)	25 (8,1)	
Chức danh nghề nghiệp	Giảng viên	191 (91,4)	18 (8,6)	0,900
	Chuyên viên/KTV	178 (92,2)	15 (7,8)	
	Kế toán viên	14 (93,3)	1 (6,7)	
Chuyên môn	Thư viện viên	5 (100)	0 (0)	0,306
	Bác sĩ	149 (92,5)	12 (7,5)	
	Dược sĩ	39 (97,5)	1 (2,5)	
Trình độ	Khác	200 (90,5)	21 (9,5)	0,230
	Sau đại học	193 (89,8)	22 (10,2)	
	Đại học	110 (94,8)	6 (5,2)	
	Khác	85 (93,4)	6 (6,6)	

**Nhận xét:** Chưa tìm thấy mối liên quan mang ý nghĩa thống kê giữa việc báo cáo tác dụng phụ của vaccine COVID-19 với một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

#### IV. BÀN LUẬN

Trong 422 đối tượng tham gia khảo sát, tỷ lệ nữ tham gia cao hơn nam. Nhóm tuổi trên 35 tuổi chiếm tỷ lệ cao hơn với 56,4%. Hầu hết đối tượng đã có gia đình (70,4%) và có thâm niên trên 5 năm (73,5%). Chức danh nghề nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất là giảng viên (49,5%), chuyên môn có 38,2% bác sĩ, 9,5% dược sĩ, trình độ chiếm tỷ lệ cao nhất là sau đại học với 50,9%. Có đến 94,5% đối tượng tiêm vaccine 3 lần. Loại vaccine được tiêm nhiều nhất là Pfizer (53,3%), tiếp theo là Astrazeneca (45,6%), những vaccine còn lại chiếm tỷ lệ rất thấp. Có đến 347 (88,6%) đối tượng tham gia chưa từng nhiễm COVID-19. Tỷ lệ này phần nào phản ánh được mức độ tuân thủ tốt trong phòng, chống COVID-19 của viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Sử dụng vaccine an toàn và hiệu quả là một biện pháp quan trọng ngăn chặn dịch bệnh. Việc chấp nhận tiêm vaccine được xem là có ảnh hưởng trực tiếp nhằm tăng miễn dịch cộng đồng và tỷ lệ bao phủ cộng đồng để phòng chống đại dịch COVID-19

Phần lớn viên chức, người lao động có thực hành tiêm vaccine tốt với 96,4% viên chức, người lao động sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần đầu, 98,8% sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 lần thứ 2.

Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Iacoella C. trên người vô gia cư ở Ý năm 2021 (64,3%) [4] và nghiên cứu của Kozak A trên nhân viên ngành chăm sóc sức khỏe và phúc lợi ở Đức (> 80% ở tất cả các ngành, cao nhất 87,5% ở ngành lão khoa) [5]. Để lý giải cho sự khác biệt này, đối tượng nghiên cứu của chúng ta là những viên chức, người lao động tại Trường ĐHYDCT, là những người có trình độ học vấn cao nên có sự khác biệt trong nhận thức so với đối tượng nghiên cứu của tác giả Iacoella C. Thực hành tiêm vaccine COVID-19 của nhân viên, người lao động tại trường rất tốt, chúng ta cần tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa để có thể giúp các viên chức, người lao động an tâm công tác tại Trường.

Có 96,9% sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 sau lần thứ 2, việc chấp nhận tiêm vaccine sau lần 2 bao gồm việc tiêm vaccine lần 3 và tiêm ngừa các liều tăng cường sau này. Kết quả khá

tương đồng so với nghiên cứu của Taysir AI Janabi và Maria Pino vào tháng 11 năm 2021, nghiên cứu cũng chỉ ra sự chấp nhận cao (88,9%) đối với liều tăng cường giữa các sinh viên y khoa của một trường Y khoa về xương khớp ở New York [6]. Một nghiên cứu khác của LucioFolcarelli và cộng sự cũng cho thấy tỷ lệ cao những người tham gia sẵn sàng nhận liều tăng cường với tỷ lệ 85,7% trong cộng đồng các Trường đại học ở Ý [3]. Tuy nhiên, ý định tiêm mũi tăng cường vắc xin COVID-19 của viên chức, người lao động tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cao hơn ý định tiêm vaccine tăng cường ở người Mỹ trưởng thành với tỷ lệ 61,8% [7]. Kết quả này có được là do đặc thù việc làm, viên chức và người lao động tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có thể tiếp xúc với những người bị nhiễm COVID-19 trong quá trình học làm việc tại Trường, tại bệnh viện. Sự chấp nhận tiêm chủng cao để bảo vệ sức khỏe của bản thân và người bệnh khỏi nhiễm COVID-19. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng nhân viên Y tế bày tỏ ý định tiêm chủng cao hơn so với dân số chung.

Có 91,9% sẽ báo cáo tác dụng phụ cho nhân viên y tế khi gặp tác dụng phụ của vaccine. Kết quả khá tương đồng so với nghiên cứu của Phạm Thị Ngọc Nga, kết quả nghiên cứu này chỉ ra 92,3% sinh viên Y khoa sẽ báo cáo tác dụng phụ cho nhân viên y tế khi gặp tác dụng phụ của vaccine. Điều này có thể giải thích vì sinh viên Y khoa và viên chức, người lao động đều đang theo học, làm việc tại trường đều có trình độ hiểu biết nhiều hơn trong lĩnh vực Y tế [1].

Nghiên cứu chưa tìm thấy mối liên quan mang ý nghĩa thống kê giữa việc báo cáo tác dụng phụ của vaccine COVID-19 với một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu. Hạn chế trong nghiên cứu của chúng tôi là khảo sát chỉ được thực hiện ở Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, vì vậy kết quả không được khái quát cho cả nước. Cần có thêm nghiên cứu khác bằng việc mở rộng cỡ mẫu để thu thập thêm thông tin và phân tích sâu về các yếu tố liên quan.

#### V. KẾT LUẬN

Khảo sát thực hành tiêm chủng vaccine COVID-19 của viên chức, người lao động tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho thấy tỷ lệ thực hành tiêm chủng rất cao từ 96,9% đến 98,8% và 91,9% sẽ báo cáo tác dụng phụ cho nhân viên y tế khi gặp tác dụng phụ của vaccine.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Ngọc Nga, Lê Thị Nhân Duyên, Ngô Thị Phương Thảo và cộng sự (2022), Thái

- độ và thực hành của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về tiêm chủng vaccine COVID-19. Tạp Chí Y học Việt Nam, 519(2).
- Al-Marshoudi S, Al-Balushi H, Al-Wahaibi A, et al.** Knowledge, Attitudes, and Practices (KAP) toward the COVID-19 Vaccine in Oman: A Pre-Campaign Cross-Sectional Study. *Vaccines (Basel)*. 2021;9(6):602.
  - Folcarelli L, Miraglia Del Giudice G, Corea F, Angelillo IF.** Intention to Receive the COVID-19 Vaccine Booster Dose in a University Community in Italy. *Vaccines (Basel)*. 2022;10(2).
  - Iacolla C., Ralli M., Maggolini A., Arcangeli A., Ercoli L.** Acceptance of COVID-19 vaccine among persons experiencing homelessness in the City of Rome, Italy. *Eur Rev Med Pharmacol Sci*.2021;25(7):3132–3135
  - Kozak, A., & Nienhaus, A.** (2021). COVID-19 vaccination: Status and willingness to be vaccinated among employees in health and welfare care in Germany. *International Journal of Environmental Research and Public Health*,18(13), 6688
  - Taysir AI Janabi, Pino M.** Predictors for Actual COVID-19 Vaccine Uptake and Intended Booster Dosage among Medical Students of an Osteopathic Medical School in New York. *Epidemiologia*. 2021;2(4):553-63.
  - Yadete T, Batra K, Netski DM, Antonio S, Patros MJ, Bester JC.** Assessing Acceptability of COVID-19 Vaccine Booster Dose among Adult Americans: A Cross-Sectional Study. *Vaccines (Basel)*. 2021;9(12).

## ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TIÊN LƯỢNG GẦN SAU PHẪU THUẬT NỘI SOI ĐẶT TẮM LƯỚI NHÂN TẠO ĐIỀU TRỊ THOÁT VỊ BỆNH Ở NAM GIỚI TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Hoàng Văn Chúc<sup>1</sup>, Nguyễn Hoài Bắc<sup>2</sup>,  
Đoàn Tiến Dương<sup>3</sup>, Phạm Minh Quân<sup>4</sup>

### TÓM TẮT

Thoát vị bẹn là tình trạng bệnh lý khi các tạng trong ổ bụng thường là mạc nối hoặc ruột chui qua ống bẹn hay các điểm yếu của thành bụng xuống dưới da hoặc bìu. Phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo trước phúc mạc đang nổi lên như một tiêu chuẩn vàng trong điều trị thoát vị bẹn, trong đó hai kỹ thuật hay được sử dụng nhất là TAPP (Transabdominal Preperitoneal) và TEP (TransExtraPeritoneal). Nhiều nghiên cứu riêng rẽ về hai phương pháp này đã được báo cáo nhưng hiện tại ở Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu so sánh tương quan giữa hai phẫu thuật. Vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 138 nam giới mắc thoát vị bẹn đã được phẫu thuật bằng một trong hai phương pháp TAPP hoặc TEP để đánh giá kết quả điều trị, so sánh kết quả phẫu thuật giữa hai phương pháp đồng thời đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tiên lượng gần sau mổ. Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ biến chứng chung của phẫu thuật nội soi đặt tấm lưới nhân tạo là trong mổ là 2,9% và ngay sau mổ là 8,0%, chủ yếu gặp ở nhóm phẫu thuật TAPP nhiều hơn TEP ( $p < 0,01$ ), tuy nhiên biến chứng (tụ dịch, đau bẹn bìu, tái phát) sau mổ 01 tháng thì gặp nhiều hơn ở bệnh nhân phẫu thuật TEP (TEP 44,1%, TAPP 21,2%,  $p = 0,01$ ). Tiên lượng gần cuộc mổ dựa vào các yếu tố trong bảng phân tích hồi quy logistic

với biến phụ thuộc là biến chứng sau 01 tháng thấy rằng sau phẫu thuật TEP tình trạng gặp biến chứng sau mổ 01 tháng cao hơn đến gần 6 lần so với phẫu thuật TAPP ( $OR = 5,9$ ,  $p < 0,01$ ), đồng thời khi tăng thời gian mổ lên 01 phút thì tăng 1% nguy cơ biến chứng ( $OR = 1,01$ ,  $p = 0,02$ ).

**Từ khóa:** Thoát vị bẹn, phẫu thuật nội soi, tấm lưới nhân tạo, kỹ thuật TAPP, kỹ thuật TEP.

### SUMMARY

#### EVALUATION OF FACTORS AFFECTING PROGNOSIS AFTER LAPAROSCOPIC SURGERY TO INSTALL ARTIFICIAL MESH ABDOMINAL WALL RESTORATION FOR MEN AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY HOSPITAL

Inguinal hernia is a pathological condition when abdominal organs, usually the omentum or intestines, pass through the inguinal canal or weak points of the abdominal wall under the skin or scrotum. Laparoscopic surgery to place artificial mesh in front of the peritoneum is emerging as the gold standard in the treatment of inguinal hernia, in which the two most commonly used techniques are TAPP (Transabdominal Preperitoneal) and TEP (TransExtraPeritoneal). Many separate studies on these two methods have been reported, but currently in Vietnam there are not many studies comparing the correlation between the two surgeries. Therefore, we conducted a study on 138 men with inguinal hernias who were operated on by either TAPP or TEP methods to evaluate treatment results, compare surgical results between the two methods and simultaneously evaluate the results of treatment. Evaluate factors affecting immediate prognosis after surgery. The study showed that the rate of complications during and

<sup>1</sup>Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang

<sup>2</sup>Trường Đại học Y Hà Nội

<sup>3</sup>Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Hoàng Văn Chúc

Email: Bshoangvanchuc@gmail.com

Ngày nhận bài: 11.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 13.11.2023

Ngày duyệt bài: 27.11.2023